

Bản án số: 64/2024/DS-PT

Ngày 09/12/2024

“V/v Kiện đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Nam, ông Ma Hồng Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang: Bà Phan Thị Hồng Hải
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2024/TLPT - DS, ngày 07 tháng 11 năm 2024, về việc *“Kiện đòi tài sản”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS - ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 46/2024/QĐ-PT, ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Phùng Thanh V, sinh năm 1958; địa chỉ: Số nhà 03, tổ 15, phường MX, thành phố T, tỉnh T; có mặt

*** Bị đơn:** Bà Triệu Thị Ph, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn L, huyện B, tỉnh T; có mặt

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Lương Hữu S, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện S, tỉnh T; vắng mặt.

- Ông Triệu Tồn T, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ dân phố Ph, thị trấn L, huyện B, tỉnh T; vắng mặt.

- Ông Phùng Hoàng V1, sinh năm 1993; địa chỉ: Số nhà 03, tổ 15, phường MX, thành phố T, tỉnh T; vắng mặt.

*** Người kháng cáo:** Bị đơn bà Triệu Thị Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phùng Thanh V trình bày:

Do mối quan hệ quen biết, ông có cho bà Triệu Thị Ph vay tổng số tiền 58.000.000đ và chuyển tiền vào số tài khoản 8107215002313 của ngân hàng Agribank chi nhánh huyện B, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ông nhờ ông Lương Hữu S chuyển cho bà Ph số tiền 5.000.000đ vào ngày 31/8/2016;

- Lần 2: Ông nhờ ông Lương Hữu S chuyển cho bà Ph số tiền 10.000.000đ vào ngày 13/9/2016;

- Lần 3: Ông trực tiếp chuyển cho bà Ph số tiền 10.000.000đ vào ngày 27/9/2016;

- Lần 4: Ông trực tiếp chuyển cho bà Ph số tiền 3.000.000đ vào ngày 18/10/2016;

- Lần 5: Ông nhờ ông Lương Hữu S chuyển cho bà Ph số tiền 30.000.000đ vào ngày 01/11/2016.

Khi vay có thỏa thuận miệng đến đầu năm 2017, bà Ph phải trả cho ông toàn bộ số tiền này. Nhưng từ đầu năm 2017 cho đến nay, nhiều lần ông yêu cầu nhưng bà Ph không trả mà chỉ trả cho ông 5 triệu đồng. Bà Ph vẫn nợ ông số tiền 53.000.000đ, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ph trả cho ông số tiền 53.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Triệu Thị Ph trình bày: 05 lần ông V chuyển tiền và nhờ ai chuyển tiền số tài khoản 8107215002313 của bà tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank) chi nhánh huyện B với tổng số tiền là 58.000.000đ là đúng. Nhưng số tiền này không phải là số tiền bà vay ông V mà đây là số tiền bà nhờ xin việc cho anh Phan Văn Th, địa chỉ: Thôn C, xã Th, huyện B, tỉnh T và đã đưa cho ông V 50.000.000đ để xin việc cho anh Th vào khoảng tháng 01/2016. Ngoài ra, tháng 05/2016 bà còn nhờ xin việc cho anh Triệu Tồn T, bà có đưa cho ông V 50.000.000đ để nhờ ông V giúp xin việc cho T. Ngoài số tiền này, anh T còn chuyển khoản vào số tài khoản ông V 50.000.000đ để nhờ ông V giúp xin việc. Tổng số tiền bà đưa cho ông V là 100.000.000đ, do ông V không trả nên bà đòi nhiều lần và 05 lần ông V chuyển khoản và nhờ người khác chuyển khoản vào tài khoản của bà với tổng số tiền 58.000.000đ chính là tiền ông V không xin được việc nên chuyển trả lại bà và không có việc vay mượn. Hiện ông V còn nợ bà 92.000.000đ và chưa trả cho bà, bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông V trả cho bà số tiền 92.000.000đ. Đối với số tiền gia đình Triệu Tồn T nhờ xin việc bà cũng đã trả đủ cho gia đình T vào khoảng tháng 01/2018 và không có tranh chấp gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lương Hữu S trình bày : Ông và ông Phùng Thanh V trước đây công tác cùng cơ quan, ông V là lãnh đạo của ông. Ông và bà Triệu Thị Ph cũng không có quan hệ quen biết gì. Năm 2016, ông V có đưa tiền mặt và nhờ ông chuyển tiền cho bà Ph 03 lần vào số tài khoản 8107215002313 tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank) chi nhánh huyện B, cụ thể:

- Ngày 31/8/2016, ông chuyển cho bà Ph số tiền 5.000.000đ;

- Ngày 13/9/2016, ông chuyển cho bà Ph số tiền 10.000.000đ;
- Ngày 01/11/2016, ông chuyển cho bà Ph số tiền 30.000.000đ.

Tổng cộng 03 lần, ông chuyển 35.000.000đ cho bà Ph và chuyển trực tiếp từ quầy giao dịch ngân hàng Agribank chi nhánh tỉnh T, các phiếu chuyển tiền sau đó ông có đưa lại cho ông V giữ. Khi nhờ chuyển tiền thì ông V có nói chuyển tiền cho anh em, họ hàng ở quê vay để làm ăn. Nay ông V khởi kiện bà Ph về việc vay mượn tiền, tôi xác định không có quyền lợi và không liên quan đến nghĩa vụ trả nợ giữa các bên vì tôi chỉ thực hiện việc chuyển tiền giúp ông V. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, anh Phùng Hoàng VI trình bày: Ông Phùng Thanh V là bố anh, giữa anh và bà Triệu Thị Ph không có quan hệ anh em hay quen biết gì. Ngày 04/01/2018, ông V có nhờ anh chuyển số tiền 50.000.000đ vào số tài khoản 8107215002313 tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank) chi nhánh huyện B cho bà Triệu Thị Ph, anh đã thực hiện việc chuyển tiền trực tiếp từ quầy giao dịch ngân hàng Agribank chi nhánh tỉnh T, phiếu chuyển tiền anh đã đưa lại cho ông V giữ. Khi nhờ chuyển tiền thì ông V có nói với anh để chuyển cho bà Ph trả cho người nào đó tên T do có nhờ ông V xin việc hộ. Ngoài ra, anh không biết gì khác. Ông V khởi kiện yêu cầu bà Phin trả số tiền vay mượn anh không có ý kiến gì vì anh chỉ là người chuyển tiền giúp ông V.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, anh Triệu Tồn T trình bày: Anh và bà Ph có mối quan hệ là anh em, họ hàng với nhau, anh không có quen biết và gặp ông Phùng Thanh V bao giờ. Do anh và gia đình có nhờ bà Ph xin việc giúp, khi nhờ xin việc bà Ph có nói số tiền xin việc là 100.000.000đ. Bà Ph có đưa cho anh số tài khoản của ông Phùng Thanh V 8100215007372 của Agribank chi nhánh T để anh chuyển cho ông V 50.000.000đ vào ngày 03/10/2017. Số tiền còn lại, bố anh ông Triệu Đức Ng đưa 50.000.000đ tiền mặt cho bà Ph. Sau đó, do không xin được việc nên bà Ph đã trả cho bố anh 100.000.000đ. Hiện nay, anh và gia đình không có tranh chấp gì số tiền bà Ph đã trả lại và cũng không có tranh chấp hay yêu cầu gì về số tiền đã chuyển khoản cho ông Phùng Thanh V.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, tiến hành hoà giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2024/DS-ST, ngày 11/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh T đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Thanh V. Buộc bà Triệu Thị Ph có nghĩa vụ trả cho ông Phùng Thanh V số tiền 53.000.000đ (Năm mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/10/2024 bị đơn bà Triệu Thị Ph kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện B. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện B.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người kháng cáo bị đơn bà Triệu Thị Ph có ý kiến: Việc thu thập tài liệu chứng cứ của cấp sơ thẩm không khách quan. Bà không vay tiền của ông Phùng Thanh V, thực tế giữa bà với ông V không có hợp đồng vay tiền nào, kể cả hợp đồng miệng nên bà không nhất trí với bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện B.

Bà Ph xác định thực tế trong năm 2016 ông V có chuyển cho bà số tiền như các lần trên là vì do ông V có nhận xin việc cho cháu bà là anh Phan Văn Th, nên bà có gặp ông V và đưa tiền mặt cho ông V, nhưng sau đó ông V không xin được việc cho cháu bà nên ông V đã chuyển trả lại tiền cho bà. Ngoài ra bà còn xác định trong khoảng thời gian năm 2017, 2018, 2019 bà không nhớ năm cụ thể bà có chuyển tiền cho ông V tại điểm bưu điện thị trấn L, huyện B để nhờ xin việc cho cháu bà là anh Triệu Tồn T nhưng hiện ông V vẫn chưa trả lại cho bà, bà sẽ liên hệ để xin lại biên lai chuyển tiền cho ông V, nếu ông V không trả bà sẽ khởi kiện ông V ra Tòa án.

Nguyên đơn ông Phùng Thanh V xác định năm 2016 ông có chuyển cho bà Ph vay tổng số tiền là 58.000.000đ vào số tài khoản 8107215002313 của ngân hàng Agribank chi nhánh huyện B, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ông nhờ ông Lương Hữu S chuyển cho bà Ph số tiền 5.000.000đ vào ngày 31/8/2016;
- Lần 2: Ông nhờ ông Lương Hữu S chuyển cho bà Ph số tiền 10.000.000đ vào ngày 13/9/2016;
- Lần 3: Ông trực tiếp chuyển cho bà Ph số tiền 10.000.000đ vào ngày 27/9/2016;
- Lần 4: Ông trực tiếp chuyển cho bà Ph số tiền 3.000.000đ vào ngày 18/10/2016;
- Lần 5: Ông nhờ ông Lương Hữu S chuyển cho bà Ph số tiền 30.000.000đ vào ngày 01/11/2016.

Năm 2017 bà Ph đã chuyển trả cho ông 5.000.000đ (*năm triệu đồng*). Như vậy bà Ph còn nợ ông số tiền 53.000.000đ, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ph trả cho ông số tiền 53.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn bà Triệu Thị Ph là hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của ông V là có căn cứ cần chấp nhận và buộc bà Ph phải có nghĩa vụ trả cho ông V số tiền 53.000.000đ. Việc bà Ph cho rằng bà có chuyển cho ông V một khoản tiền nhưng ông V cũng chưa trả lại tiền cho bà, bà chưa cung cấp được các tài liệu liên quan đến việc chuyển tiền cho ông V, ông V cũng không thừa nhận. Do vậy cần tách ra dành cho bà Ph quyền khởi kiện vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà Triệu Thị Ph. Giữ nguyên nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tuyên Quang về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V. Sửa nội dung quan hệ tranh chấp của Bản án sơ thẩm là “*Kiện đòi tài sản*” và căn cứ pháp luật áp dụng cho phù hợp với nội dung vụ án.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Triệu Thị Ph phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 02/10/2024, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn là bà Triệu Thị Ph. Đơn kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, đơn kháng cáo hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Phùng Thanh V nộp đơn khởi kiện bà Triệu Thị Ph trả số tiền đã vay là 53.000.000 đồng, kèm theo đơn khởi kiện ông V đã cung cấp 05 (năm) giấy nộp tiền tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank) chi nhánh huyện B cụ thể: Trong các ngày 31/8/2016, 13/9/2016 và 01/11/2016 giấy nộp tiền thể hiện người nộp là ông Lương Hữu S, người nhận tiền bà Triệu Thị Ph, tổng 03 (ba) lần chuyển số tiền 45.000.000 đồng số tiền này ông San khai là do ông V đưa tiền cho nhờ đi chuyển nhưng không nói để làm gì; ngày 27/9/2016 và ngày 18/10/2016 thể hiện người nộp tiền ông Phùng Thanh V, người nhận tiền bà Triệu Thị Ph, tổng 02 (hai) lần chuyển số tiền 13.000.000 đồng. Tổng 05 (năm) lần ông V đã chuyển số tiền là 58.000.000 đồng (*tại bút lục 03 đến bút lục 07*) cho bà Ph vay để làm trang trại chăn nuôi, khi cho vay không lập thành hợp đồng và chỉ thỏa thuận miệng thời hạn trả là đầu năm 2017 (nhưng cả 05 lần chuyển không ghi rõ nội dung chuyển tiền để làm gì chỉ ghi là chuyển khoản). Ông V

cung cấp tài liệu bà Ph đã trả được cho ông V được số tiền 5.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản (*bút lục 63, 64, 65 và bút lục 81*). Ông V yêu cầu bà Ph trả số tiền còn nợ ông là 53.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét nội dung kháng cáo: Bị đơn bà Triệu Thị Ph cho rằng việc thu thập tài liệu chứng cứ của cấp sơ thẩm không khách quan. Bà không vay tiền của ông Phùng Thanh V, thực tế giữa bà với ông V không có hợp đồng vay tiền nào, kể cả hợp đồng thỏa thuận miệng cũng không có nên bà không nhất trí với bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Cấp phúc thẩm nhận thấy sau khi thụ lý vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện các bước tố tụng theo trình tự, thủ tục việc tiến hành lấy lời khai, lập biên bản làm việc với các đương sự, điều tra xác minh thu thập chứng cứ đảm bảo khách quan theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Cấp phúc thẩm xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án ông V cho rằng do tin tưởng bà Ph nên trong năm 2016 ông có cho bà Ph vay tổng số tiền là 58.000.000 đồng, khi vay không làm giấy tờ, năm 2017 bà Ph đã trả được cho ông 5.000.000 đồng còn lại 53.000.000 đồng bà Ph chưa trả cho ông nên ông Yêu cầu bà Ph trả cho ông khoản tiền trên. Bà Ph cho rằng bà có được nhận khoản tiền trên từ ông V, nhưng bà không vay của ông V và không có bất kỳ hình thức hợp đồng nào, bà Ph cho rằng đây là khoản tiền mà trước đó bà đã đưa tiền mặt cho ông V để nhờ xin việc cho người nhà là anh Phan Văn Th nhưng không xin được việc nên ông V đã trả lại cho bà nhưng bà không cung cấp được tài liệu chứng minh. Bà Ph thừa nhận có nhận được tổng số tiền 58.000.000 đồng ông V chuyển vào số tài khoản của bà sau đó năm 2017 bà Ph đã chuyển trả cho ông V 5.000.000 đồng, còn lại 53.000.000 đồng chưa trả, như vậy trên thực tế ông V đã có sự chuyển giao tài sản (là tiền) sang cho bà Ph nay ông V yêu cầu bà Ph trả số tiền đã nhận từ ông V là có căn cứ và tại phiên tòa phúc thẩm ông V cũng xác định lại yêu cầu khởi kiện là kiện đòi bà Ph số tiền ông đã chuyển giao cho bà Ph nên cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là kiện đòi tài sản, đồng thời áp dụng các quy định pháp luật tương ứng cho phù hợp. Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là chưa phù hợp, như vậy cần sửa lại quan hệ tranh chấp. Tuy nhiên trong vụ án này mặc dù việc xác định quan hệ tranh chấp chưa phù hợp nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự xong cần rút kinh nghiệm với Tòa án cấp sơ thẩm. Cấp sơ thẩm đã buộc bà Ph phải có nghĩa vụ trả cho ông V số tiền 53.000.000 đồng là có căn cứ, do đó kháng cáo của bà Ph không được chấp nhận.

* Quá trình giải quyết vụ án bà Ph cho rằng trong khoảng thời gian năm 2017, 2018, 2019 bà không nhớ cụ thể, bà có chuyển cho ông V một khoản tiền, nhưng sau đó ông V cũng chưa trả lại tiền cho bà, việc chuyển tiền được thực hiện tại điểm Bru điện thị trấn L, huyện B, nay bà chưa thu thập được các tài liệu liên quan đến việc chuyển tiền cho ông V, ông V không thừa nhận. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này cần tách ra dành cho bà Ph quyền khởi kiện vụ án dân sự khác khi có yêu cầu như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Ph phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 158, Điều 166 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Triệu Thị Ph. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tuyên Quang như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Thanh V

Buộc bà Triệu Thị Ph có nghĩa vụ trả cho ông Phùng Thanh V số tiền 53.000.000 đồng (*Năm mươi ba triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Dành cho bà Ph quyền khởi kiện một vụ án khác đối với khoản tiền bà cho rằng đã chuyển cho ông V tại Bưu điện thị trấn L, huyện B, tỉnh Tuyên Quang vào khoảng từ năm 2017 đến năm 2019 khi bà Ph có yêu cầu.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Triệu Thị Ph phải chịu 2.650.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Triệu Thị Ph phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Ph đã nộp tại biên lai số 0003276 ngày 02/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tuyên Quang. Bà Ph đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (09/12/2024).

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Văn phòng TA tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thủy

